

# VĂN-HÓA

TẬP-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG

文化

Năm thứ XIX

Số 3 (năm 1970)

GIÁ BÁN TOÀN QUỐC :

1 số (tự nhân). . . . . 24 \$

1 số (công sở). . . . . 48 \$

(ở xa thêm tiền cước phí)

NHA VĂN-HÓA  
PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
SAIGON-VIETNAM

**Tòa soạn : Nha Văn-Hóa**

**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**  
Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon — Điện-thoại : 92038

*Chủ nhiệm, kiêm chủ bút :* Ô. TRỊNH HUY TIẾN

*Tổng thư ký :* Ô. LÊ QUANG HƯƠNG

*Quản lý :* Ô. LÊ VĂN ĐỊNH

với sự hợp tác của Quý Ông : Bửu Cầm, Nguyễn Duy Cẩn, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng tiến Dũng, Nguyễn Thọ Dực, Lê Xuân Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê Mạnh Liêu, Nguyễn Ngạc, Hoàng văn Suất, Phạm Đình Tân, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức Tịnh, Nghiêm Toàn, Nguyễn Chung Tú; Lê Thành Trị, Lê Ngọc Trụ, Vũ Trọng Ứng, Hà Ngọc Xuyên. . .

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự hợp tác của quý vị Văn nhân, Học giả.

Thư từ ngân phiếu xin để Ông Giám đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn Trung Trực Saigon.

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

**CƠ - QUAN NGHIÊN - CỨU VÀ PHÓ - THÔNG**  
**NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**  
**XUẤT - BẢN**

Năm thứ XIX Số 3 (năm 1970)

**NHA VĂN-HÓA**  
**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA**  
**SAIGON-VIETNAM**



**Tòa soạn : Nha Văn-Hóa**

**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**  
Số 8, Nguyễn-Trung-Trực, Saigon — Điện-thoại : 92038

Chủ nhiệm kiêm chủ bút : Ô. TRỊNH HUY TIẾN

Tổng thư ký : Ô. LÊ QUANG HƯƠNG

Quản lý : Ô. LÊ VĂN ĐỊNH

với sự hợp tác của Quý Ông : Bửu Cầm, Nguyễn Duy Căn, Nguyễn Đình Diệm, Hoàng tiến Dũng, Nguyễn Thọ Dực, Lê Xuân Khoa, Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Bá Lăng, Lê Mạnh Liêu, Nguyễn Ngạc, Hoàng văn Suất, Phạm Đình Tân, Nguyễn Đăng Thục, Bùi Đức Tịnh, Nghiêm Toàn, Nguyễn Chung Tú, Lê Thành Trị, Lê Ngọc Trụ, Vũ Trọng Ứng, Hà Ngọc Xuyên. . .

Ngoài ra, Nha Văn-Hóa mong mỗi sự hợp tác của quý vị Văn nhân, Học giả.

Thư từ ngân phiếu xin để Ông Giám đốc Nha Văn-Hóa, 8 Nguyễn Trung Trực Saigon.

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

**CƠ - QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG**  
**NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA**  
**XUẤT - BẢN**

Năm thứ XIX Số 3 (năm 1970)

**NHA VĂN-HÓA**  
**PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA**  
**SAIGON-VIETNAM**

# VĂN-HÓA

## TẬP-SAN

CƠ QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHÓ-THÔNG  
NHA VĂN-HÓA PHỦ QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA  
XUẤT BẢN

Năm thứ XIX, Số 3 (năm 1970)

### mục - lục

- Diễn văn của THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ đọc trong buổi lễ Thán Đán Đức Khổng Tử (28-9-1970).
- Diễn văn của Ông QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC-TRÁCH VĂN-HÓA đọc trong buổi lễ Thán Đán Đức Khổng Tử (28-9-1970).

#### *Văn-học — Nghệ-thuật*

- |  |                  |    |
|--|------------------|----|
| — Thế nào là một bản dịch hay. . .                           | BÀNG-BÁ-LÂN      | 8  |
| — Nhân diện " Ô-y-hạng " nghĩ về hai<br>" tận tín thư ". . . | ĐÔNG-HỒ          | 23 |
| — Đại quan tư tưởng thời đại<br>Nhà Trần (tiếp theo). . .    | NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC | 34 |
| — Thăm viếng Viện Bảo Tàng Quốc gia. . .                     | TRƯƠNG-BÁ-PHÁT   | 40 |
| — Động Hồ-công. . .  | LÊ-XUÂN-GIÁC     | 57 |



### *Histoire, Coutumes et moeurs*

- Les héroïnes Vietnamiennes . . . HAI-ÂU-TU 66  
— Les rêve d'une " Capitale idéale "  
à la Pagode "Linh Mụ" (Légende) (suite)... PHAN-DU 70  
— Croyances et traditions pour le culte les divinités  
maritimes à Binh Thuận. . . LÊ-HỮU-LỄ 85  
— Données historiques  
de la Monarchie Phù Nam. . . LÊ-HƯƠNG 104

### *Hommes illustres — Oeuvres célèbres*

- Văn Cao, artiste de talent  
mais malchanceux. . . NGUYỄN-HỮU-TRỌNG 119  
— Amotations du Cung-oán Ngâm-khúc  
(suite) TRẦN-CỬU-CHẤN 127

### *Nouvelles culturelles*

138

### *Supplément*

Discours Prononcé par S. E. Mai Thọ Truyền Ministre d'Etat Chargé  
des Affaires Culturelles de la République du Viet-Nam à la séance  
plénière du 28 Août 1970.

163

# CULTURE

## REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS

MINISTRY OF STATE IN CHARGE OF CULTURAL AFFAIRS

VOL. XIX, N° 3 (1970)

## contents

- Speech delivered by H. E. The Prime Minister on Confucius' Birthday  
(Sept. 28, 1970).
- Speech delivered by H. E. The Minister of State in Charge of Cultural  
affairs on Confucius' Birthday (Sept. 28, 1970).

### *Art, Literature*

- What is a piece of good translation. . . BÀNG-BÁ-LÂN 8  
— About the literary allusion  
" O y hang ". . . ĐÔNG-HỒ 23  
— Overall thinking of the Trần Dynasty... NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC 34  
— Visit to the National Museums... TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 40  
— Cave of Hồ Công... LÊ-XUÂN-GIÁO 57

### History — Customs

- Famous Vietnamese Women... HẢI-ÂU-IÛ 66  
— Linh-mu Pagoda (Hue) (*continued*)... PHAN-DU 70  
— Faith and Rites for Worshpping maritime gods at Binh Thuan province... LÊ-HỮU-LỄ 85  
— Historical traces of Fou-nan... LÊ-HƯƠNG 104

### Famous persons and Writings

- Van Cao, the talented but unfortunate artist... NGUYỄN-HỮU-TRỌNG 119  
Annotations of Cung-oán Ngâm-khúc.  
(Complaints of an odaliaque) (*continued*)... TRẦN-CỬ-U-CHẤN 127

Cultural news 138

### Supplement

Speech delivered by H. E. Mai Tho Truyen, Minister of State in Charge of Cultural Affairs of the Republic of Vietnam at the UNESCO plenitary session of August 28, 1970. 163

# CULTURE

REVUE PÉRIODIQUE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION  
PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES  
MINISTRE D'ÉTAT CHARGÉ DES AFFAIRES CULTURELLES  
VOL. XIX, N° 3 (1970)

## table des matières

- Discours de S. E. Le Premier Ministre à l'occasion de l'Anniversaire de la naissance de Confucius (28-9-1978).
- Discours du Ministre d'Etat chargé des Affaires Culturelles à l'occasion de l'Anniversaire de la naissance de Confucius (28-9-1970).

### Belles lettres, Beaux arts

- Qu'est-ce-qu'une remarquable traduction?... BÀNG-BÁ-LÂN 8  
— A propos de l'allusion littéraire de « Ô-y-hạng »... ĐÔNG-HỒ 23  
— Aperçu général sur la pensée Vietnamienne sous les Trần... NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC 34  
(suite)  
— Visite aux Musées nationaux TRƯƠNG-BÁ-PHÁT 40  
— La grotte HỒ-Công LÊ-XUÂN-GIÁO 57

*Lịch-sử — Phong-tục*

- Liệt-nữ Việt-Nam... HẢI-ÂU-TỬ 66
- Giấc mộng "Kinh-sư" dưới mái  
chùa "Linh mục" (tiếp-theo)... PHAN DU 70
- Tín ngưỡng và cổ tục tôn thờ  
thần linh biên cả tại Bình Thuận... LÊ-HỮU-LỄ 85
- Sử-liệu Vương-quốc Phù-Nam... LÊ-HƯƠNG 104

*Danh-nhân — Danh-văn*

- Văn Cao, người nghệ-sĩ đa tài  
nhưng bất hạnh... NGUYỄN-HỮU-TRỌNG 119

- Cung-oán Ngâm-khúc bình chú  
(tiếp - theo)... TRẦN-CỬU-CHẤN 127

*Tin Văn-hóa* 138

*Phụ-trương*

- Discours prononcé par S. E. Mai Thọ Truyền, Ministre d'Etat  
Chargé des Affaires Culturelles de la République du Việt-  
Nam à la séance plénière du 28 Août 1970... 163

**DIỄN VĂN**

**CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ  
ĐỌC TRONG BUỔI LỄ THẮNH-ĐẢN ĐỨC KHÔNG-TỬ  
(28 THÁNG 9 NĂM 1970)**

Thưa Quý Vị,

Khổng giáo vốn là đạo Nho đã được Đức Khổng g-Phu-Tử phát huy thành một triết thuyết nhân lý học thực tiễn, uyên thâm xây dựng trên ý thức hệ nhân bản, lấy Nhân làm nền tảng, Trung làm tâm, Thành làm nguyên động lực đạo đức, cùng với ngũ luân và ngũ thường làm qui tắc, để giải quyết mọi vấn đề nhân sinh, với những giải pháp giáo dục, chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội. Đó là chữ nghĩa nhân bản hay đạo làm người, cần thiết cho mọi dân tộc, mọi tầng lớp nhân dân, và có thể ứng dụng trong bất cứ thời đại nào. Vì vậy hậu thế gọi đạo ấy là "Vạn cổ thường tân", và xưng Đức Khổng-Tử là "Vạn thế sư biểu".

Hễ theo đó mà tu thân, tề gia, thì con người trở nên toàn thiện, gia đình đời đời hạnh phúc; hễ theo đó mà định hướng nền chánh trị quốc gia, quốc tế, thì quốc gia hưng thịnh, quốc tế hòa thân, thiên hạ thái bình, ấy là cảnh tượng thế giới đại đồng vậy.

Tiền nhân chúng ta từng thấm nhuần giáo lý ấy, nên hằng sùng thượng luân thường đạo đức, coi trọng tình nghĩa đồng bào, sẵn sàng đùm bọc, cứu trợ lẫn nhau do đó đã củng cố chặt giải đồng tâm, liên kết thành một cộng đồng quốc gia duy nhất, có đủ sức đánh đuổi ngoại xâm, mở mang bờ cõi và xây dựng một nước hùng cường được lân bang vị nể.

Biết rằng quốc thể lớn lao ấy do tinh thần đạo lý của Khổng giáo gây nên, tiền nhân chúng ta đã tôn sùng Khổng-Thánh, lập văn miếu, văn chi khắp nơi thành thị cùng hương thôn để thờ Ngai,



Từ khoảng 150 năm trở lại đây, làn sóng văn minh vật chất từ Tây phương lan tràn sang nước ta ngày càng dồn dập, khiến nền văn hóa truyền thống bị lung lạc dần, tinh thần đạo đức ngày càng suy vi. Do đó, tà thuyết dễ xâm nhập, dân tâm phân hóa, nhân tình đảo điên, đến nỗi một số người quên hẳn nguồn gốc của mình, nhắm mắt chạy theo chủ nghĩa ngoại lai, sẵn sàng phản bội đồng bào và tổ quốc vì những mưu đồ của Cộng-sản quốc tế.

Cuộc kháng chiến chống Cộng hiện nay là cuộc đấu tranh giữa đạo lý và tội ác, giữa văn hóa truyền thống và tà thuyết phi nhân.

Bọn Cộng-sản xâm lăng gây chiến đầu hung bạo đến mức nào, chúng ta cũng cố nhứt quyết đánh bại chúng để giữ lấy di sản tinh thần vô giá của tiền nhân, không để chúng tiêu hủy và thay thế bằng chủ nghĩa vô nhân đạo của chúng.

Quân dân ta hiện đang tiêu diệt Cộng-sản trên khắp các mặt trận, nhưng nếu muốn sớm chiến thắng và toàn thắng, thì ngoài những giải pháp quân sự và chính trị, chúng ta còn phải tích cực tài bồi mặt trận văn hóa, ngổ hầu nâng cao tinh thần đạo nghĩa cùng nhiệt tâm ái quốc của toàn dân, và do đó gia tăng hiệu năng của mọi lực lượng kháng chiến và kiến quốc.

Chúng ta phải đẩy mạnh công cuộc phục hưng văn hóa dân tộc và phát huy đạo lý Khổng học, vì đó là yếu tố cần thiết để nâng cao tinh thần dân tộc và là lợi khí hữu hiệu để trừ diệt mọi mầm mống tà thuyết ngoại lai.

Chính Đức Khổng-Tử cũng đã dựa trên tinh thần đạo lý ấy mà xây dựng Khổng học để giải cứu nạn chiến tranh tàn khốc kéo dài suốt đời Xuân-Thu, kể hàng mấy trăm năm, khiến cho nhân dân Trung-Quốc thuở ấy trong đó có Ngải phải chịu muôn vàn khổ não. Nhờ học thuyết của Ngài diêm hóa, mà xã hội Trung hạo cùng các dân tộc Đông-Phương trong đó có dân tộc Việt đã sớm ra khỏi thời kỳ hắc ám và đạt đến một nền văn hóa cao đẹp.

Hôm nay nhân ngày Thánh-đản thứ 2521 của Đức Khổng-Tử chúng ta lại có dịp truy niệm Đức trọng cao dày của vị ân sư của nhân loại và của dân tộc chúng ta. Toàn dân Việt-Nam chúng ta nguyện tích cực duy trì và phát triển Nho phong sĩ khí, bảo vệ non sông gấm vóc và di sản tinh thần vô giá do tiền nhân truyền lại, để xứng đáng làm con dân một nước đã từng có nền văn hiến lâu dài.

Trân trọng kính chào Quý Vị.



## DIỄN VĂN

CỦA ÔNG QUỐC-VỤ-KHANH ĐẶC TRÁCH VĂN-HÓA  
ĐỌC TRONG BUỔI LỄ THÁNH ĐẢN ĐỨC KHỔNG TỬ  
(28 THÁNG 9 NĂM 1970)

Kính thưa THỦ-TƯỚNG, đại diện Tổng-Thống,

Kính thưa Quý Liệt-Vị,

Hôm nay, nhân ngày Thánh-đản thứ 2521 của Đức Khổng-Tử, chúng ta kính cầu làm lễ kỷ niệm bậc Đại Thành Cui Thánh tại tòa văn miếu này để bày tỏ niềm thành kính và tri ân sâu xa của dân tộc Việt-Nam đối với đức trạch cao dày của đấng Vạn Thế Sư Biếu. Ngoài ý nghĩa thiêng liêng của ngày Đại Lễ, kỷ niệm Đức Khổng-Tử còn là một dịp để chúng ta phát biểu niềm tin ở những giá trị tinh thần của nền văn hiến nước nhà, và cùng nhau ôn lại một số chỉ chăm của Khổng Học làm nòng cốt cho nền văn minh Đông-Phương và nền văn hóa dân tộc Việt-Nam.

Nền văn hóa của dân tộc chúng ta tuy đã có trên bốn ngàn năm lịch sử, nhưng trung gian đã bị hội tắc, cho đến khi Nho học từ Trung-Quốc truyền sang, tiền nhân của chúng ta hấp thụ tinh hoa của Khổng Giáo, nền văn hiến của dân tộc Việt lại hưng phát, nho phong sĩ khí của dân tộc càng ngày lên cao, lực lượng nhân dân ngày càng thêm hùng hậu, đã đánh đổ nền đô hộ của ngoại bang, dựng nên tự chủ và mở mang bờ cõi đất nước, tạo thành một quốc gia phú cường.

Sở dĩ trong các học thuyết của Chư Tử bách gia ở đời Xuân-Thu — Chiến-Quốc cùng nhằm mục đích cứu thời — vì thời ấy là đời cực loạn, dân chúng vô cùng lầm than — mà đại đa số, kể cả những học thuyết lớn như Lão học, Dương học, Mặc học, đều bị hậu thế bỏ rơi hay bãi chuyết, duy Khổng học được các đời sau triệt để tôn sùng, và trở thành trọng tâm của nền văn hóa Đông-phương, ấy là bởi học thuyết của Khổng-Phu-Tử phát xuất từ lòng thương



nhân loại đau khổ của Ngài và xây dựng trên nền tảng luân lý, giềng mối của nhân đạo. Học thuyết này bao trùm toàn bộ nhân sinh, có mục đích tạo nên những điều kiện cần thiết để con người được sống cho nên người, trong một xã hội thái hòa, và trong một thế giới đại đồng an lạc. Nội dung của học thuyết, tuy vô cùng rộng lớn và được hậu Nho xưng là rừng Nho biển Thánh, nhưng đã được Phu Tử qui nạp vào khuôn khổ NGŨ THƯỜNG và NGŨ LUÂN cùng THẬP NGHĨA.

Ngũ Thường là năm qui chuẩn mà mọi người phải noi theo để lập thân và xử thế, ấy là : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Ngũ Luân là năm mối liên hệ giữa người này với kẻ khác, hay là quan hệ nhân sinh, tức là : vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bầu bạn.

Thập Nghĩa là mười tiêu chuẩn đạo lý qui định làm phận sự cho các luân hệ : vua nhân, tôi trung, cha từ, con hiếu, chồng nghĩa, vợ thuận, anh hữu, em cung, bầu bạn tín thực.

Đó là toàn bộ cơ cấu của hệ thống tư tưởng luân lý hay đạo làm người của Khổng-Học, lấy bản thân làm trung tâm phát triển theo ba tiến trình liên tục : từ cá nhân con người đến gia đình, từ gia đình đến tổ quốc, và từ tổ quốc đến thiên hạ, hay thế giới, tức toàn thể nhân loại.

Toàn bộ học thuyết ấy được xây dựng trên ba chỉ châm căn bản là NHÂN, THẠNH và TRUNG. NHÂN để đãi người, THẠNH để sửa mình và TRUNG để đãi người và xử sự.

Nhờ được truyền thụ những khuôn vàng thước ngọc ấy, cùng những phương pháp giáo hóa thích nghi của Khổng-Phu Tử mà các dân tộc Đông-Phương trở nên người văn minh, xã hội Đông-Phương có trật tự thái hòa trong nhiều thế kỷ. Nhưng trong khoảng vài trăm năm gần đây, nền đạo lý Đông-phương đã bị những làn sóng văn minh cơ giới của Tây-phương tràn ngập, khiến cho nhân tâm đảo loạn, thú tính con người trỗi dậy xô đẩy nhân loại xuống biển khổ thăm sâu, khiến các nước lại tranh đoạt quyền lợi, chém giết nhau như thờ Xuân-Thu Chiến-Quốc, dân tộc Việt-Nam cũng bị phân hóa thành những phe phái đối nghịch, đang thì đua phá hoại và tiêu diệt lẫn nhau, vô công thăm khốc.

Nếu Đức Khổng-Tử tái sinh ở thời đại này hẳn lại phải một phen đau lòng vì xót thương nhân loại và ắt có chủ thuyết cứu dân độ thế mới ra đời, nhưng chắc chắn loài người không bao giờ lại được chiêm ngưỡng một đấng Vạn

Thế Sư Biều nào khác nữa, cho nên chúng ta chỉ còn biết noi theo những đạo lý mà Ngài đã truyền lại để tự giải thoát khỏi vòng luân quần hiềm nghèo gầy nên bởi những mối mâu thuẫn tai quái của các chủ thuyết ngoại lai có xu hướng trái ngược nhau.

Trung thành với truyền thống luân thường của tiền nhân, Chính-phủ và nhân dân miền Nam Việt-Nam chúng ta đã bày tỏ tình thương dân tộc và thiện chí hòa bình qua chiến dịch chiêu hồi và việc chấp nhận cuộc hội đàm Ba-Lê, nhưng thiết tưởng muốn tiến tới mục tiêu hòa bình một nền hòa bình công chính và vĩnh cửu — sớm chừng nào hay chừng ấy, chúng ta phải tăng cường trên mặt trận văn hóa bằng mọi cách xúc tiến công cuộc phục hưng văn hóa dân tộc, phát huy luân thường đạo lý để nâng cao tinh thần yêu nước cùng tinh thần trách nhiệm đối với đồng bào và Tổ-Quốc của mọi người dân.

Công cuộc phục hưng văn hóa dân tộc, với phương thức « ôn cố tri tân » nếu được thực hiện đến nơi đến chốn, thì sẽ là một cuộc cách mạng xã hội dân chủ đức trị theo đường lối « thuận thiên lý hợp nhân tâm » của các bậc thánh nhân Thang-Vũ. Bởi Khổng học là một chủ thuyết cách mạng, và Đức Khổng-Tử chẳng những không có tư tưởng bảo thủ như nhiều học giả Đông-Tây đã lầm tưởng mà thật là một nhà đại cách mạng.

Học thuyết Khổng-Mạnh, với phương châm « nhật tân, hựu nhật tân... » có hiệu dụng cách tân con người, cải tiến xã hội, và cách tân, cải tiến liên tục, theo hướng chí thiện.

Đức Khổng chủ trương hóa dân thành tục bằng đường lối phục hưng văn hóa cổ truyền, cách tân con người bằng phương pháp giáo dục và cải tiến xã hội với chủ nghĩa chính danh.

Ngài thủ xướng và thực hiện bình dân giáo dục trước tiên ở Trung-quốc, đã phá chế độ độc quyền văn hóa từ xưa dành riêng cho giai cấp quý tộc và đem học thuyết, đạo lý Thánh-Vương phổ biến trong các tầng lớp dân chúng, tổng số học trò của Ngài lên tới trên ba ngàn gồm đủ các thành phần xã hội. Ngài chia học thuật làm bốn khoa : Văn, hạnh, trung, tín, còn giáo tài thì gồm có lục kinh : Dịch, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân-Thu. Trong bốn khoa học gọi là tứ giáo, chỉ có một khoa văn chuyên giảng sách vở, kỹ dư là những khoa giảng tập đức hạnh, bởi đường lối tu học của Ngài là « tiên học lễ hậu học văn ».

Đã dành di học cốt để trau dồi kiến thức nhưng học để trở nên người

tốt, hữu ích cho gia đình và quốc gia xã hội lại là điều đáng kể hơn, nếu có học mà vô hạnh thì dầu trở nên uyên bác hay chiếm bằng cấp thật cao cũng chẳng ích dụng gì cho nhân quần, mà có thể càng đa văn túc trí chừng nào càng nguy hại cho đời chừng ấy, như bọn Mãng, Tháo từng nổi tiếng bất trung, gian ác, đều là những tay thực học, giỏi nhất trong hàng trí thức đương thời.

Phương châm "tiên học lễ hậu học văn" mở đầu đường lối đức trị do Ngài chủ trương, lấy nhân nghĩa đạo đức làm lợi khí cai trị, khiến cho quần chúng noi gương thánh thiện của người lãnh đạo mà hóa thành lương dân.

Bởi đời Xuân-Thu là thời cực loạn, trong triều đình ngoài xã hội trật tự tôn ty bị xáo trộn, tôi giết vua, con giết cha, tóe phân thầy, bạn bè lừa gạt, cướp của lẫn nhau, thật là cương thường điển đảo, hơn nữa chiến tranh kéo dài vô tận giữa các chư hầu làm cho sinh linh vô cùng khốn đốn, trong khi đó, bọn chính khách khua môi múa mỏ, tuyên bố huyền thiên, nhưng nói một đằng làm một nẻo, khiến dân chúng đã khổ vì chiến họa lại thêm hoang mang vì nạn loạn ngôn. Để chấm dứt những tình trạng rối rắm ấy ngõ hầu tái lập trật tự xã hội, Đức Khổng-Tử đề xướng chủ nghĩa chính danh. Ngài chủ trương chuẩn định lại sự tương quan giữa các danh xưng và những sự kiện thực tế liên hệ, khiến cho danh xứng với thực, cũng như lời nói đi đôi với việc làm, bởi nếu tương quan ấy lệch lạc, khiến danh và thực không liên quan gì với nhau thì dư luận suy đoán tất sai lầm, và sai lầm nọ lôi kéo theo sai lầm kia mà gây nên những tình trạng hỗn loạn.

Tề Cảnh-Công xin hỏi về đạo trị nước. Đức Khổng đáp : vua trọn đạo vua, tôi trọn đạo tôi, cha trọn đạo cha, con trọn đạo con ( « quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử » — Luận-Ngữ — Nha-Uyên).

Chủ thuyết chính danh bao hàm tư tưởng chính trị của Đức Khổng-Phu-Tử. Chưa kể những đạo lý uyên thâm chỉ suy hai chữ " quân quân " (vua trọn đạo vua) học giả cũng có thể nhận ra tinh thần cách mạng của Ngài. Bởi " quân quân " cũng có nghĩa là phải cho ra vua ! có phải vua hay không là tùy ở người làm cái chức vụ gọi là vua ấy có làm tròn bổn phận của mình hay không, nếu không thì không phải là vua. Sống dưới chế độ quân chủ phong kiến mà Ngài biểu lộ tư tưởng cách mạng xã hội như thế kể cũng đã rõ ràng lắm vậy.

Những phương châm đạo lý trên đây của Khổng học, đối với đời loạn này càng hợp thời nghĩa, bởi toàn là những nguyên lý xác thực hợp khoa học tự nhiên, nên học giả có thể dựa vào đó làm luận cứ để đánh đổ mọi tà thuyết.

Hôm nay nhân dịp tổ chức lễ kỷ niệm Thánh-dân, chúng ta kính cần chiêm ngưỡng Thánh tượng, ôn lại những lời vàng ngọc của Ngài, đề toàn thể sĩ dân cùng suy gẫm và phát huy tinh nghĩa mà góp phần xây dựng công trình chấn hưng văn hóa dân tộc làm hậu thuẫn cho mặt trận văn chính quốc gia trong công cuộc tái tạo hòa bình và kiến thiết nền dân chủ thịnh cường của đất nước.

Trước khi dứt lời, tôi xin chân thành cảm tạ THỦ-TƯỚNG đã hoan hỷ đến chủ tọa buổi lễ và Quý Liệt-Vị đã đến tham dự đông đủ, khiến cho ngày kỷ niệm Thánh-dân được thêm phần trọng đại, vẻ vang.



thế nào là một bản dịch hay? ①

Kính thưa Quý vị,

Thưa Quý Bạn,

Đề tài câu chuyện mà tôi được hân hạnh trình-bày trước Quý Vị và Quý Bạn hôm nay không phải do tôi đặt ra, mà do Ban Dịch-Thuật thuộc Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa nêu lên để chúng ta cùng thảo luận.

Tôi chỉ là người được cử ra đặt vấn đề, nên xin biết sao nói vậy, chắc hẳn còn nhiều thiếu sót, chứ thiệt tình không dám làm cái việc múa riu qua cửa Lỗ-Ban. Rất mong Quý Vị và Quý Bạn thông cảm và bỏ khuyết cho.

Bây giờ tôi xin phép vào đề :

*Thế nào là một bản dịch hay?* Câu hỏi thoạt nghe tưởng giản-dị, nhưng nghĩ lại mới thấy là phức-tạp.

Người ta thường nói : *« Dịch là phần »* (Traduttore, traditore) (1) Tại sao vậy? Vì ngôn-ngữ mỗi nước có những cái lắt-léo riêng mà chỉ người nước đó mới thấu triệt. Người ngoại-quốc không thể nào hiểu rõ. Đã không hiểu rõ thì dịch được sao được?

Tôi nói « đúng » chứ chưa nói « hay ». Riêng ngôn-ngữ Việt Nam ta lại còn lối nói lái mà có lẽ hoàn cầu ít nước nào có. Tỉ như thơ Hồ-xuân-Hương với những câu :

*Hỏi thăm sư cụ đảo nơi neo?*

hoặc :

*Kìa cái diều ai nó lộn lèo.*

① Bài thuyết trình của nhà văn Bằng-Bá-Lân trong buổi Hội-thảo do Ủy-Ban dịch thuật tổ chức ngày 4-7-70 tại Hội-Trường Quốc-Gia Âm-Nhạc và Kịch-Nghệ Saigon, dưới quyền Chủ-tọa của Ó. Quốc-Vụ-Khanh Đặc-Trách Văn-Hóa.

(1) Traducteur, traître (aphorisme italien).

Hay một chữ mà hai, ba nghĩa. Hiểu thanh thì thật thanh mà nghĩ tục thì lại rất tục. Hỏi dịch làm sao?

Lại còn trường hợp những chữ « đặc ý » của tác giả cũng là một cái khổ cho người dịch. Như ai nấy đều biết, không bao giờ có bài thơ nào có thể gọi là toàn bích. Thường một bài thơ được gọi là hay chỉ nhờ ở một vài câu, và một câu thơ hay là nhờ ở một chữ.

Thí dụ câu thơ đặc-ý sau đây của Tản-Đà :

*Vèo trông lá rụng đầy sân,*

*Công danh phù-thế có ngần ấy thôi.*

Tất cả cái hay của câu thơ là chữ « vèo » : vừa tả được gió thu hiu-hắt, vừa gợi được sự phù-du của công-danh phú-quý ở đời. Nhưng chữ « vèo » tự nó cũng không thể làm cho câu thơ đạt được mức giá trị ấy, nếu không được tác-giả khéo dùng đảo-ngữ đem đặt lên đầu câu. Cũng từng ấy chữ mà đổi vị-trí chữ « vèo » đi, nghĩa là đặt xuôi như lối nói thường (*trông lá rụng vèo đầy sân*) thì chữ « vèo » sẽ mất hết ma lực gợi cảm và câu thơ cũng mất hết nhạc-điệu, thi-vị, trở thành câu nói rất tầm thường.

Như thế thì ngoại-ngữ nào dịch được cho sát nghĩa mà không phản nguyên-tắc?

Chính vì thế mà thi-hào Nguyễn-Du của chúng ta đã bị « phần » rất nhiều, vì tác phẩm « Đoạn Trường Tân-Thanh » của ông được nhiều người dịch ra ngoại-ngữ. Xin đan cử một thí dụ : Trong các bản dịch Truyện Kiều ra Pháp-văn, bản của René Crayssac được coi là công phu hơn cả (vì dịch ra thơ). Thế mà có một câu thơ tả cảnh cô-đơn rầu-ri của Kiều khi ở lầu Ngưng-Bích :

*Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.*

Chỉ vồn-vẹn có 8 chữ mà René Crayssac đã dịch ra 5 câu thơ alexandrin như sau :

*Elle y vit désormais recluse, ne comptant*

*D'autres ami que les silhouettes lointaines*

*Des montagnes là-bas à l'horizon des plaines,*

*Et plus proche la lune au beau disque argenté  
Dont les rayons blafards viennent la visiter.*

Dịch như thế, tưởng chẳng cần nói Quý Vị cũng thừa rõ là chỉ giúp người ngoại quốc hiểu được ý mà thôi, chứ thi-vị của nguyên-văn thì không còn gì nữa !

Nhưng đây còn là dịch đúng ý tuy lời rườm-rà ; còn có những trường hợp dịch sai cả nghĩa của nguyên-văn, mà người hiểu sai văn Nguyễn-Du lại là người Việt-Nam mới thật là đáng buồn.

Tôi đã thấy có người dịch ' bụi hồng ' trong câu :

*Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia.*

là « buissons de roses ».

Và trong bản dịch ra Pháp-ngữ của Xuân-Việt và Xuân-Phúc, chữ « kéo lên » trong câu :

*Ngọn ngang gò đồng kéo lên*

được dịch bằng động-từ « onduler », vì dịch-giả đã hiểu một cảnh giản-dị là : gò đồng kéo lên (chủ-từ của động-từ *kéo lên* là *gò đồng*), mà không thấy rằng ở đây tác-giả đã dùng cách đảo trang (inversion), nên chủ-từ của « kéo lên » là « tài-tử giai-nhân » (ở câu trên) đã đập-điu kéo lên những gò đồng ngọn-ngang để tạo mộ (vì cũng như ở nước ta, tại miền đồng-bằng mả phải chôn trên những gò đồng để tránh bị ngập khi mùa mưa nước lớn). Chữ « gò đồng » làm sao mà « kéo lên » được ! Tiếng Việt không nói thế, và chữ « onduler » cũng không dịch được sát và đủ chữ « kéo lên » (dù cho thật « gò đồng kéo lên » chẳng nữa) !

Ta chỉ cần đọc lại mấy câu Kiều này với một chút suy nghĩ là thấy ngay sự sai lầm của hai dịch giả nói trên :

*Dập-điu tài-tử giai-nhân*

*Ngựa xe như nước áo quần như nêm*

*Ngọn-ngang gò đồng kéo lên.*

Trên đây là những cái khó khi dịch tiếng mình ra tiếng người, giờ xin nói về cái khó của tiếng người dịch ra tiếng mình. Cũng chỉ xin nêu một thí dụ trong muôn vàn, vì thi-giờ có hạn.

Tân-Đà dịch Đường-thi, được nhiều người phục lắm. Kể ngu này cũng không nghĩ trái lại. Và có một bài tôi rất thích là bài « Hoàng-hạc lâu » của Thôi-Hiệu, vì bản dịch sát nghĩa và giữ trọn được thi-vị của nguyên văn, nhất là hai câu cuối.

#### NGUYỄN VĂN

*Nhật mộ hương quan hà xứ thị,*

*Yên ba giang thượng xử nhân sầu.*

#### DỊCH

*Quê-hương khuất bóng hoàng hôn,*

*Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.*

so với câu dịch của Ngô-tất-Tố :

*Trời tối, quê-hương đâu tá nhĩ ?*

*Đầy sông khói sóng gợi niềm tây.*

thì thật là một trắng một đen.

Nhưng sao tôi vẫn không hoàn toàn thỏa-mãn và cảm thấy một cái gì không ổn. Ấy là vì Tân-Đà sợ trường về thơ lục-bát, nên ông thường dùng thể này để dịch Thơ Đường. Nhưng hình thức niêm-luật đối-chọi của Đường-thi như một chiếc khung chạm trổ tỉ-mi lộng-lẫy vàng son hợp với nội dung hạn-chế khắc khe, tạo nên một vẻ đẹp trang-trọng cổ-kính. Còn lục-bát là thể-thơ thuần-túy Việt-Nam có vẻ đẹp mộc mạc giản-dị, vì như một chiếc khung bằng trúc đơn sơ trang-nhã.

Dịch Đường-thi bằng thể lục-bát chẳng khác nào đem bức tranh trang-trọng cổ-kính của chiếc khung chạm sơn son thiếp vàng mà lồng vào chiếc khung tre. Thanh-nhã có thừa nhưng vẻ trang-trọng cổ-kính không còn nữa !

Dịch khó như thế, vậy muốn có một bản dịch không phản nguyên-văn, phải cần những điều-kiện gì ?

Xin thưa : Ít nhất phải có hai điều-kiện tất yếu :



1). Dịch sát nghĩa.

2). Lột được tinh-thần nguyên-văn.

Muốn dịch được sát và đúng nghĩa, người dịch trước hết phải *thấu-triệt* ngôn-ngữ, *văn-tự* mà mình dịch.

Bởi vì ngôn ngữ của mỗi nước đều có những nét tế-nhị riêng nếu không thấu triệt thì dễ trở nên ngớ-ngẩn, buồn cười.

Thí-dụ như ngôn-ngữ nước ta, những tiếng dùng để xưng hô thật là phong phú đến nỗi làm cho người ngoại-quốc học tiếng Việt phải vô-cùng bối-rối. Cũng như tiếng Pháp, để chỉ người vợ, có những chữ : *ma femme, mon épouse, ma moitié, ma bourgeoise...* Nhưng mỗi chữ có trường-hợp riêng thích đáng để dùng, chứ không thể dùng bừa bãi. Và những nhà quý-phái Pháp như những vị công tước, hầu tước, bá tước... khi nói về phu nhân của họ, không dùng những danh từ trên đây, lại nói : *Madame la duchesse, Madame la marquise, Madame la comtesse...* mà được coi là tự-nhiên, không bị chê là kiêu cách.

Như chữ *idéal* dịch là « lý tưởng » đúng lắm. Nhưng *idéaliste* mà dịch là « người lý tưởng » thì thật sai. Và *idéalisme* không hẳn là chủ-nghĩa lý tưởng mà trong nhiều trường-hợp phải dịch là « thuyết duy-tâm ».

Còn người Anh. Mỹ khi viết thư cho người lạ thường bắt đầu bằng : *Dear sir*. Nếu cứ chữ nào nghĩa nấy mà dịch « dear » là « thân mến » thì thật là ngớ-ngẩn, khôi-hài.

Muốn dịch đúng nghĩa, ta còn cần phải đề-phòng những « người bạn phản trắc » (tiếng Pháp là « les faux amis »). Đó là những chữ mới đọc tưởng như đồng nghĩa, nhưng thật ra mười phần chỉ có ba bốn phần ý nghĩa tương đồng, còn sáu bảy phần dị biệt; phải tùy trường-hợp cần nhắc kỹ càng mà lựa dịch mới đúng được. Thí-dụ như những chữ : *respect, concern*... của Pháp và *respect to concern*... của Anh v.v..

Về trường-hợp cùng một ngôn-ngữ thì thí-dụ như hai chữ Pháp *martyr* và *martyre*, nếu không cần thận, cũng rất dễ bị lầm lẫn.

*Martyr* là người phải chịu những cực hình hoặc ch-hình vì lòng tin, vì tín ngưỡng (tử đạo). Nghĩa bóng chỉ người chịu nhiều đau khổ. (*Un martyr est celui*

qui a souffert des tourments ou la mort pour sa foi ou sa croyance. Par extension, le mot s'applique aussi à celui qui souffre beaucoup).

Còn *martyre* là cực hình hoặc tử-hình mà một kẻ nặng lòng tin, một tín đồ phải chịu. Nghĩa rộng chỉ sự đau khổ lớn lao (*Un martyr est un supplice ou la mort enduré pour une foi ou une croyance. Par extension, le mot s'applique à une grande douleur, une grande souffrance...*)

Sau hết người dịch phải thuộc nhiều thành-ngữ, tục-ngữ nước mình để dịch những thành-ngữ, tục-ngữ có ý-nghĩa tương-tự trong nguyên-văn. Vì thành ngữ, tục-ngữ thường thường không thể dịch thật sát nghĩa được ; vì dịch như thế chẳng những ngớ-ngẩn mà đa số người đọc sẽ không hiểu là gì ?

Chẳng hạn « *muet comme une carpe* » mà dịch là « câm như một con cá chép », « *la montagne en travail accouche d'une souris* » dịch là « trái núi đẻ ra con chuột » thì chỉ những người có tây-học mới hiểu, còn đa số người Việt-Nam sẽ bỡ-ngỡ lạ lùng ! Nhưng nếu dịch là « câm như hến », « mười voi không được bắt nước sáo » cũng như câu « *petit à petit, l'oiseau fait son nid* » dịch bằng tục-ngữ « kiến tha lâu cũng đầy tổ » thì mọi người sẽ hiểu ngay.

Lại có thành-ngữ như « *de fil en aiguille* », nếu dịch đúng nguyên-văn là « từ chỉ đến kim » thì ngay đến người có tây-học cũng không hiểu là gì ! Nhưng trong kho thành-ngữ phong phú của ta đã có sẵn một câu ý-nghĩa tương-tự, chỉ việc đem ra mà dịch rất « ngon lành ». Đó là thành-ngữ « dây cà ra dây muống ».

Thắng-hoặc gặp trường-hợp ta không có thành-ngữ, tục-ngữ tương-đương (trường hợp này rất hiếm), thì đã có khá nhiều những thành-ngữ, tục-ngữ của Tàu đã được Việt-Hoá, không sợ thiếu. Thí-dụ : Phải dịch câu tục-ngữ Pháp « *La poule ne doit pas chanter devant le coq* », ta đã có sẵn câu « phu xướng phụ tỳ », mà người Việt-Nam nào cũng hiểu.

Tuy nhiên cũng có trường-hợp dịch đúng chữ nào nghĩa nấy lại hay. Đề thí-dụ, trong lúc vội-vàng chưa nhớ ra được những tài-liệu đã đọc, xin phép được nói đến « cái tôi đáng ghét », mong Quý Vị rộng thứ cho.

Trong trường-hợp này, có hai câu thơ (một dịch tiếng Pháp ra tiếng Việt, một dịch tiếng Việt ra tiếng Pháp) mà tôi ưng ý. Đó là câu thơ của Victor Hugo tả một mục-đồng đang để hết tâm thần thổi sáo, mắt nhắm lại. Nhắm chữ

không lim-dim, vì không phải là một mục-đồng bằng xương bằng thịt, mà là một bức chạm nổi (bas relief) :

Un pâtre, sur sa flûte, abaissant ses paupières.

Câu dịch là :

*Mục-đồng, trên sáo, hạ đôi mí.*

Còn câu thơ tiếng Việt là câu của Xuân-Sanh trong nhóm Xuân-Thu Nhã Tập thời tiền-chiến, chủ-trương lối thơ tối nghĩa, bị chê là thơ hủ (poésie hermétique). Nhưng câu thơ dưới đây theo thiên ý, có thể gọi là hay vì tứ mới, lời hàm-súc và có nhạc :

*Đáy đĩa, mùa đi nhíp hải hà.*

Đĩa đây là đĩa đựng trái cây. Tác-giả muốn nói rằng : Mùa nào thứ nấy chỉ việc nhìn vào đáy đĩa đựng trái cây là đủ thấy được bốn mùa lần lượt nối tiếp nhau đi bằng một nhịp bao-la rộng lớn.

Tôi dịch là :

*Au fond des compotiers, les saisons succèdent  
aux saisons d'un rythme immense.*

hoặc :

*Au fond des compotiers, les saisons se succèdent  
d'un rythme immense.*

Đây chỉ là vài thí-dụ về dịch thật sát nghĩa. Theo thiên ý là được. Nhưng có thể tôi chủ quan. Rất mong Quý-Vị chỉ vẽ cho, nếu có gì sai sót.

Bây giờ xin đề cập đến điều-kiện thứ hai :

*Lật được tinh-thần nguyên-văn.*

Muốn lật được tinh-thần nguyên-văn, người dịch trước hết phải nắm vững được nét độc đáo của tác-giả ; vì mỗi nhà văn nhà thơ hữu danh đều có vẻ độc đáo riêng.

Chẳng hạn văn Chateaubriand là thứ văn nhịp-nhàng cân-đối có nhiều chất thơ ; văn Voltaire thì sáng sủa, sắc bén ; thơ Lý-Bạch bay bướm tài hoa ; thơ Đỗ-Phủ danh thép, kêu gọi nện-tính-chất xã-hội ; thơ Nguyễn-Thị-Hình (tức bà huyện Thanh-Quan) đoan-trang chững-chạc ; thơ Hồ-Xuân-Hương tinh nghịch, dí-dôm, giễu cợt tài-tinh ; thơ Nguyễn-Công-Trứ phần nhiều có giọng hào-hùng ; thơ Trần-Tế-Xương mỉa-mai cay độc ; v.v...

Có nắm vững được nét độc đáo của tác-giả mới làm nổi bật được văn tác-giả lên và bản dịch mới trung-thực.

Muốn lật được tinh-thần nguyên-tác, dịch-giả còn phải biết *quen mình*. Nghĩa là quên cái tôi cái bản ngã : cái lối văn riêng của mình để hòa đồng với tác-giả, với nguyên-văn. Nếu tác giả là khuôn, dịch-giả phải là bột. Nếu tác giả là bình, dịch giả phải là nước. Bột đổ vào khuôn nào cũng được ; nước rót vào bình nào cũng êm.

Không phải cứ có học, cứ hiểu tác-phẩm là dịch được. Muốn không phẫn tác-giả thì dịch văn phải là một nhà văn, dịch thơ — nếu không là thi-sĩ — ít nhất cũng phải biết làm thơ, phải có hồn thơ.

Dịch có khi cũng là sáng tác nữa (création). Vì trong trường-hợp này, ngoài việc dịch cho đúng nghĩa, dịch-giả còn phải đảo lộn, xếp đặt lại cả câu văn cho hay cho gọn mà vẫn sát nghĩa và giữ được tinh-thần nguyên-văn, nghĩa là công việc chẳng khác gì công việc sáng tác.

Thí-dụ như mấy câu này trong Chinh-phụ ngâm của Đặng-Trần-Côn tả biệt-ly của chinh-phu và chinh-phụ :

Liệp liệp tinh kỳ xuất tái sầu,  
Huyền-huyền tiêu cớ từ gia oán.  
Hữu oán hề phân hề,  
Hữu sầu hề khế khoát.

được bà Đoàn-thị-Điền (1) dịch gọn trong hai câu thiết hay và đầy đủ nghĩa :

(1) Tôi không nói đến thuyết của Nguyễn-hữu-Tiến và Hoàng-xuân-Hãn cho bản dịch Chinh-phụ-ngâm không phải của bà Điền mà của Phan-huy-Ich, vì tôi có đủ tài liệu để chứng minh có 2 bản dịch khác nhau.



*Bóng cờ tiếng trống xa xa,  
Sầu lên ngọn di, oán ra cửa phòng.*

Cách kiến-trúc những câu nguyên-tắc khác hẳn câu dịch — trong nguyên-tác, câu thơ chứa đựng nửa cảnh nửa tình. Trong bản dịch, bà Diễm đưa hết cả cảnh lên câu lục và dồn hết cả tình xuống câu bát. Nghĩa là chỉ giữ trọn ý, còn lời tùy nghi đặt lại cốt sao cho hay.

Ngoài những điều kiện nêu trên đây, một bản dịch hay có khi còn nhờ ở một trường hợp hãn-hữu : trường-hợp dịch-giả có một tâm-sự hay một sự cảm-thông đặc-biệt với tác-giả. Tỉ như giai-thoại về Đặng-Trần-Côn và Đoàn-Thị-Điễm hay Edgar Poe và Charles Baudelaire.

Theo truyền thuyết thì bà Đoàn-Thị-Điễm rất hay chữ nên kén chồng kỹ lắm. Mãi đến năm ngoài 30 tuổi mới đành làm kế-thất ông Nguyễn-Kiều, hiệu Hạc-Hiền, đậu Tiến-sĩ, làm đến Thượng-thư. Trong thời gian kén chồng, bà đã từ chối nhiều thư sinh vì không họa được thơ hoặc đối được câu đối bà ra ; trong số đó có Đặng-Trần-Côn không đối được câu « Đình tiền thiếu nữ khuyến tân-lang » nên đành ôm hận ra về. Thẹn và tức lại vốn là người hiếu học, họ Đặng quyết chí gia công, đào hầm trong nhà để học tập (vì thời đó thành Thăng-Long còn nhiều nhà lá, mùa hanh thường bị hỏa hoạn, nên có lệnh cấm đốt đèn khuya), sau thi đỗ, làm quan, trở thành danh sĩ, nhân gặp cảm hứng soạn ra khúc Chinh-phụ-ngâm bằng Hán-Văn, được sao chép truyền tụng. Bà Diễm được coi, rất thân phục, đến khi biết tác giả là người trước kia từng bị mình từ chối, bà rất xúc động, rồi đem hết cả tài và tình cảm cụi dịch ra quốc-âm, làm thành một kiệt tác khiến Đặng-Trần-Côn xem thấy cũng phải phục.

Giai thoại này có thể còn là nghi-vấn. Nhưng giai-thoại giữa Edgar Poe và Charles Baudelaire thì thật cả trăm phần trăm. Như nhiều người đã biết, Edgar Poe — một nhà văn — chỉ nhớ có bài thơ « Con quạ » (Le Corbeau) và hai tập truyện dị-thường (Histoires extraordinaires et Nouvelles Histoires extraordinaires) được dịch ra Pháp-văn do nhà thi-sĩ tài-hoa Charles Baudelaire, mà tiếng tăm lừng-lẫy khắp Âu-Châu và vang dội ra cả thế-giới. Tác-phẩm của Edgar Poe không được tán thưởng tại xứ sở ông. Chỉ sau khi được Charles Baudelaire dịch và truyền cho vẻ đẹp và sự trong-trẻo mà nguyên-tác không có, E. Poe mới nổi tiếng, nhất là ở Pháp. Sự kiện này đã khiến những nhà phê bình Anh, Mỹ rất

ngạc nhiên và không hiểu nổi, vì họ chỉ nhìn thấy những tiêu xảo của Poe mà không nhận thấy nghệ-thuật của ông.

Nhưng lý do nào đã khiến Charles Baudelaire dịch tất cả tác-phẩm của Edgar Poe, mà dịch công phu và hay như vậy ?

Theo Roger Asselineau, giáo-sư Đại-học Sorbonne, thì « người ta không còn biết rõ những tập « truyện dị-thường » ấy là của ai nữa. Của Poe hay của Baudelaire ? Và ngay Baudelaire cũng không rõ nữa, vì Baudelaire nhìn Poe như một người thứ hai của chính mình. Gửi thư cho một bạn thân, Baudelaire viết : « Anh có biết tại sao tôi lại cảm-cụi dịch Poe không ? Là bởi vì y giống hệt tôi. Lần đầu tiên mở một cuốn sách của y ra, tôi ngạc-nhiên và vui thích thấy không chỉ những đề tài tôi từng mộng tưởng mà cả những câu văn mà tôi đã nghĩ và y đã bắt chước cách đây hai mươi năm. (De qui sont les Histoires extraordinaires, les Nouvelles Histoires extraordinaires et les Histoires grotesques et sérieuses ? De Poe ou de Baudelaire ? On finit par ne plus savoir et Baudelaire lui-même s'y perdait, qui voyait en Poe un double de lui-même. « Savez-vous pourquoi j'ai si patiemment traduit Poe ? », écrivait-il à un ami. « Parce qu'il me ressemblait. La première fois que j'ai ouvert un livre de lui, j'ai vu avec épouvante et ravissement non seulement des sujets rêvés par moi, mais des phrases ptn ées par moi et imitées par lui, vingt ans auparavant ».

Đạt được tiêu chuẩn trên đây, hay, nói cách khác, hội đủ được những điều-kiện đã nêu ra, một bản dịch chắc chắn không « phàn » nguyên-văn mà còn có thể xứng đáng gọi là hay, có giá trị.

Từ xưa đến nay đã có những bản dịch nào hội đủ những điều-kiện ấy ?

Thưa có. Và đây là một số bản dịch — theo thiên ý — có thể gọi là hay :

*Tam Quốc-Chỉ diễn nghĩa* (bản dịch của Phan-Kế Bình), *Tây Vương Ký* (bản dịch của Nguyễn Tống), *Liêu trai chí dị* (bản dịch của Tân-Đà), *Con ve và con kiến* (thơ ngụ-ngôn của La Fontaine do Nguyễn-Văn-Vinh dịch) và nhất là tác-phẩm *Chinh-Phụ ngâm khúc* của Đặng-Trần-Côn (bản dịch của Đoàn-Thị-Điễm), bài thơ *Con quạ* và hai tập *Truyện dị-thường* của Edgar Poe (bản dịch của Charles Baudelaire).

«Tam Quốc-chỉ» được nhiều người dịch ra quốc-văn, nhưng chỉ có bản dịch của Phan-Kế-Bình là hơn cả. Chẳng thế mà trước đây các cụ nhà nho đã

nói rằng : Đọc Tam Quốc chí, phải đọc nguyên bản bằng Hán-văn mới thấy hết cái hay. Cùng lắm, không có bản nguyên văn thì chỉ nên đọc bản dịch của Phan-Kế-Bình.

Bản dịch "Tây Sương Ký" của Nhưộng Tống hay, vì giữ được hai đặc điểm "thơ và tình" của nguyên tác.

"Liêu-trai chí dị" của Bồ-Tùng-Linh cũng được nhiều người dịch, nhưng đều thua Tân-Đà. Tác-phẩm Liêu-Trai không hay vì truyện mà hay vì văn. Một lối văn rất lạ : gọn và cô, thường không dùng chủ-từ. Ngoài triết lý châm-biểu sâu sắc, Liêu-trai còn bằng bạc một hồn thơ. Tân-Đà đã tôn trọng những đặc-diểm ấy của nguyên văn, nên thành công hơn các dịch giả khác.

Bài ngụ-ngôn "Con ve và con kiến" của La Fontaine được cả chục người dịch, nhưng toàn dùng thể lục bát và song thất lục bát, không hợp với điệu thơ của nguyên văn. Chỉ có mình Nguyễn-Văn-Vinh dịch vừa sát nghĩa vừa theo đúng nhịp điệu và cách gieo vần (vần liền và vần ôm) của nguyên tác, nên rất mới mẻ và xứng đáng được tán thưởng. Để chứng minh, tôi xin phép đọc cả hai bài của tác-giả và dịch-giả để quý vị tiện so sánh :

#### LA CIGALE ET LA FOURMI

La cigale, ayant chanté

Tout l'été,

Se trouva fort dépourvue

Quand la bise fut venue ;

Pas un seul petit morceau

De mouche ou de vermisseau.

Elle alla crier famine

Chez la fourmi, sa voisine,

La priant de lui prêter

Quelque grain pour subsister

Jusqu'à la saison nouvelle.

— « Je vous paierai, lui dit-elle,

Avant l'aôût, foi d'animal,

Intérêt et principal ».

La fourmi n'est pas préteuse

C'est là son moindre défaut.

— « Que faisiez-vous au temps chaud ? »

Dit-elle à cette emprunteuse.

— « Nuit et jour, à tout venant,

Je chantais, ne vous déplaie ? »

— « Vous chantiez ? J'en suis fort aise !

Eh bien, dansez maintenant ! ».

(La Fontaine)

#### CON VE VÀ CON KIẾN

Ve sừ kêu ve ve

Suốt mùa hè.

Đến kỳ gió bắc thổi

Nguồn con thực bối rối ;

Một miếng cũng chẳng còn,

Ruồi bọ không một con.

Vác miệng chịu khúm-núm

Sang chi kiến hàng xóm,

Xin cùng chi cho vay

Dăm ba hạt qua ngày.

— « Từ nay sang tháng hạ

Em lại xin đem trả

Trước thu, thì đất trời,

Xin đủ cả vốn lời ».

Tình kiến ghét vay cây,

Thói ấy chẳng hề chi,

— « Năng ráo chú làm gì ? »

Kiến hỏi ve như vậy.